TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2019/DS-ST
Ngày: 20/9/2019
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi.

2. Bà Ngô Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Huỳnh Nh (B), sinh năm: 1982 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ch, sinh năm: 1963 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Huỳnh Nh trình bày:

Ngày 30/6/2018, bà Ch vay của chị số tiền 170.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền do bà Ch viết và ký tên; mục đích để giải quyết việc gia đình và làm vốn; thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, trả lãi 03 tháng 01 lần; khi cần thu hồi vốn thì phải báo trước thời gian 02 tháng. Quá trình thực hiện thì bà Ch không trả lãi, cũng không trả vốn. Chị đã đòi nhiều lần nhưng bà Ch chỉ hứa hẹn kéo dài.

Chị yêu cầu bà Ch trả số tiền vốn gốc còn nợ 170.000.000 đồng và lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.000.000 đồng.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Ch trình bày:

Ngày 30/11/2017, bà vay của chị Nh số tiền 100.000.000 đồng, bà trực tiếp nhận tiền; đến ngày 30/12/2017 bà vay tiếp của chị Nh số tiền 70.000.000 đồng,

lần này thì chị Nh chuyển khoản qua Ngân hàng BIDV cho con gái của bà là chị Nguyễn Thị Ánh H; mục đích vay tiền là để cho con gái bà làm ăn; cả 02 lần vay đều thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì mỗi tháng là 80.000 đồng lãi, trả lãi hàng tháng; thời hạn trả vốn là 01 năm. Giao dịch có làm giấy tay vào ngày 30/12/2017 với số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó, cứ 03 tháng thì chị Nh kêu bà làm giấy lại một lần, giấy mượn tiền chị Nh nộp cho Tòa án là giấy cuối cùng do bà viết và ký tên.

Quá trình thực hiện bà đã trả lãi cho chị Nh nhiều lần, tổng cộng là 176.800.000 đồng nhưng không có gì chứng minh, vốn chưa trả.

Bà đồng ý trả số tiền vốn gốc còn nợ 170.000.000 đồng cho chị Nh, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả lãi vì hiện kinh tế của bà quá khó khăn.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, chị Nh chỉ yêu cầu bà Ch trả số tiền vốn gốc còn nợ 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; thời gian trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Ch có nơi cư trú tại ấp P, xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Lê Huỳnh Nh đòi bà Lê Thị Ch trả tiền vốn gốc còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bà Ch thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền mà phía chị Nh nộp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ ký của bà và xác định hiện bà còn nợ chị Nh số tiền vốn gốc như phía chị Nh trình bày. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do vậy, việc bà Ch có vay tiền của chị Nh và còn nợ số tiền vốn gốc 170.000.000 đồng là có thật.

Chị Nh và bà Ch là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng vay tài sản giữa chị Nh và bà Ch là có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, bà Ch thừa nhận bà vay tiền của chị Nh 02 lần và làm giấy nợ với tổng số tiền 170.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017, thời hạn trả vốn là 01 năm nhưng đến hạn bà Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*

...”. Do vậy, chị Nh có quyền yêu cầu bà Ch có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn đã cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Ch có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của chị Nh là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về tiền lãi: Bà Ch trình bày quá trình thực hiện hợp đồng bà đã trả lãi cho chị Nh tổng cộng 176.800.000 đồng nhưng không được chị Nh thừa nhận, bà Ch cũng không có gì chứng minh. Tại phiên tòa, bà Ch không yêu cầu giải quyết số tiền lãi đã trả cho chị Nh; phía chị Nh cũng rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này, yêu cầu của chị Nh được chấp nhận toàn bộ nên bà Ch phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà Ch là thành viên gia đình thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử cho miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Ch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huỳnh Nh.

Buộc bà Lê Thị Ch có nghĩa vụ trả cho chị Lê Huỳnh Nh số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Ch.

Chị Lê Huỳnh Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 40395 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Huỳnh Nh và bà Lê Thị Ch có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Phú